TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 17 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thế Hồi và ông Phan Văn Đông;

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Chinh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 49/2024/QĐST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Ngô Ngọc H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày:23/10/2002, tại tỉnh T; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Thẻ CCCD số: 038202007531 cấp ngày 16 tháng 12 năm 2021; Con ông Ngô Văn T, sinh năm: 1971; Con bà: Đàm Thị H, sinh năm: 1973; anh chị em có 02 người bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ Đàm Thị Vân L, sinh năm: 2002, có 01 con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/01/2024 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/5/1994, tại tỉnh T; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn Yên Vực, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Thẻ CCCD số: 038094041984 cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022; Con ông

Ngô Văn T, sinh năm: 1971; Con bà: Đàm Thị H, sinh năm: 1973; anh chị em có 02 người bị cáo là con đầu trong gia đình; vợ chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/01/2024 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thanh D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/11/2002, tại tỉnh T; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Thẻ CCCD số: 038202011137 cấp ngày 15 tháng 8 năm 2021; Con ông Lê Văn T, sinh năm: 1973; Con bà: Tô Thị H, sinh năm: 1975; anh chị em có 03 người bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2023 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/12/2001, tại tỉnh T; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn Điền, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 6/12; Thẻ CCCD số: 038201011094 cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021; Con ông Trần Văn H (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972; anh chị em có 02 người bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2023 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

(1). Chị Trần Hoài T, sinh năm 1991; địa chỉ: 33 M, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(2). Chị Đặng Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: 67 K, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(3). Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(4). Anh Nguyễn Thành L, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 9, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(5). Chị Trần Thị E, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(6). Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(7). Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1989; địa chỉ: thôn Đ, xã S huyện S, tỉnh Kon Tum.

(8). Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(9). Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1981; địa chỉ: 279 P, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(10). Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(11). Chị Nguyễn Hà Thị X, sinh năm: 1996; địa chỉ: thôn R, xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum.

(12). Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1990; địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(13). Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(14). Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm: 1991; địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(15). Chị Y T, sinh năm: 1985; địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(16). Anh Võ Anh K, sinh năm: 1993; địa chỉ: 32 T, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(17). Anh Trần Quang T, sinh năm: 1995; địa chỉ: thôn P, xã Ia C, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(18). Anh Nguyễn Duy L, sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(19). Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1975; địa chỉ: 310 B, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(20). Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm: 1991; địa chỉ: 44 L, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(21). Chị Lâm Hoàng Huyền M, sinh năm: 1988; địa chỉ: 231 T, tổ 2, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(22). Anh Trương Văn T, sinh năm: 1972; địa chỉ: xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

(23). Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

(24). Anh Hà Tiến V, sinh năm: 1960; địa chỉ: Hẻm 30 T, tổ 4, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(25). Chị Thái Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(26). Chị Đào Thị Kim D, sinh năm 1991; địa chỉ: 144A Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(27). Chị Đặng Thị Thu V, sinh năm 1999; địa chỉ: Đội 12, thôn 7, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(28). Chị Lê Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: 140 S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(29). Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

(30). Chị Dương Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

(31). Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964; địa chỉ: 30 T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(32). Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1979; địa chỉ: 51 B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(33). Chị Phạm Thị Diễm H, sinh năm 1992; địa chỉ: 30 T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(34). Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980; địa chỉ: 56 T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(35). Chị Lê Thị Triều M, sinh năm 1992; địa chỉ: 16 A ,phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(36). Bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1965; địa chỉ: 68 N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(37). Chị Nguyễn Thị Tri T sinh năm 1978; địa chỉ: 27 H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(38). Chị Phan Thị M, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(39). Chị Văn Thị Thư T, sinh năm 1994; địa chỉ: 163 Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(40). Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(41). Chị Trương Nữ Ngọc H, sinh năm 1995; địa chỉ: 02 P, tổ 2, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(42). Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: 07 D, Phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(43). Chị Phạm Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Iệc, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(44). Chị Bùi Thị Bích V, sinh năm 1993; địa chỉ: Hẽm 30 đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(45). Chị Bùi Ngọc Mai T, sinh năm 1991; địa chỉ: 03 T, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(46). Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 5, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(47). Chị Hồ Thị Thu T, sinh năm 1979; địa chỉ: 634/8/6 H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(48). Chị Đoàn Thị K, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(49). Chị Bùi Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(50). Anh Đàm Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(51). Anh Phạm Minh T, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh T; nơi ở hiện tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(52). Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 2003; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(53). Anh Ngô Đình Q, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyệnQ, tỉnh T.

(54). Anh Hoàng Văn Vũ, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

(55). Anh Lương Ngọc Q, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn U, xã Q, huyện Qu, tỉnh T.

(56). Anh Hoàng Duy T, sinh năm 2002, HKTT: Thôn G, xã Q, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa, nơi ở: Hẻm Đ, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(57). Anh Hoàng Văn K, sinh năm 2002; HKTT: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

(58). Anh Lê Thế T, sinh năm: 1990, trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

(59). Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum.

(60). Anh Lữ Văn T, sinh năm 1988; HKTT: Thôn 9, xã , K, Kon Tum, nơi ở: thôn 1, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum.

(61). Chị Đinh Thị H, sinh năm 1972; HKTT: thôn Đ xã Y, huyện T, tỉnh p; địa chỉ tạm trú: thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

(62). Chị Nguyễn Thị Ngà, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Ngày 23/5/2023, qua công tác nắm tình hình, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Kon Tum đã tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm của bà Phan Thị Tố V, sinh năm 1982, trú tại 505 T, phường Q, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum về việc có dấu hiệu của tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Vào lúc 16 giờ 20 ngày 23/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Duy T, sinh năm 2002, HKTT: Thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tại địa chỉ: Hẻm Đ, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum và khoảng 20 giờ 30 ngày 23/5/2023 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn T sinh năm: 1994, HKTT: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tại địa chỉ: TDP 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Phát hiện Hoàng Duy T, Ngô Văn T, Lê Thanh D, sinh năm 2002, HKTT: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Trần Văn H sinh năm 2001, HKTT: Thôn Đ xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Ngô Ngọc H, sinh năm: 2002, HKTT: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Hoàng Văn K sinh năm 2002, HKTT: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa có biểu hiện nghi vấn hoạt động "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nên đã mời đến Cơ quan điều tra để làm rõ. Quá trình khám xét, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum đã thu được các giấy vay tiền, Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh của người vay tiền.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Duy T, Hoàng Văn K, Lê Thanh D, Trần Văn H, Ngô Văn T và Ngô Ngọc H khai nhận: T, K, D, H, T và H cho vay riêng lẻ, tự mình lên mạng xã hội Facebook, lập trang quảng cáo có nội dung "Cho vay tiền trả góp theo ngày" có số điện thoại khác nhau để chạy quảng cáo về việc cho vay tiền, khi người có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ đến số điện thoại trên hoặc để lại số điện thoại của họ trên trang quảng cáo để T, K, D, H, T và H tự liên hệ với người vay. T, K, D, H, T và H cho vay tiền dưới hình thức cho vay tiền trả góp cả gốc và lãi hàng ngày với số tiền cho vay từ 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) trong thời hạn 21 hoặc 25 ngày. Lãi suất được tính ra T, K, D, H, T và H cho vay từ 365%/năm đến 842,31%/năm. Cụ thể:

- Cho vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng) trong thời hạn 13 ngày. Tổng số tiền phải trả là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

- Cho vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 18.900.000đ (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

- Cho vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 37.500.000đ (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 75.600.000đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Cho vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày. Tổng số tiền phải trả là 126.000.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

- Cho vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), mỗi ngày trả góp số tiền cả gốc và lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

*** Đối với Lê Thanh D và Trần Văn H:** Khoảng cuối tháng 01/2023 Lê Thanh D vào huyện N và bắt đầu làm công việc cho vay tiền lấy lãi, lúc này chỉ có một mình D làm. D lên mạng xã hội Facebook, lập trang quảng cáo có nội dung "Cho vay tiền trả góp theo ngày - 0388593669" để chạy quảng cáo về việc cho vay tiền, khi người có nhu cầu vay sẽ liên hệ đến số điện thoại trên hoặc để lại số điện thoại của họ trên trang quảng cáo D sẽ liên hệ lại với họ. D sẽ tư vấn hình thức vay tiền, số tiền người vay phải trả bao gồm cả gốc và lãi, thời hạn vay trong khoảng thời gian nhất định, nếu người vay đồng ý thì D liên hệ gặp mặt trực tiếp tại nhà của người vay để xác minh hoặc một điểm hẹn khác để thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, trả góp cả gốc và lãi bao nhiêu tiền một ngày. Nếu người vay đồng ý thì D yêu cầu đưa Căn cước công dân bản gốc cho D giữ, đến thời điểm ngày 23/5/2023 các Căn cước công dân của người vay, một phần đã trả lại người vay, một phần đã bị thất lạc.

Lê Thanh D sử dụng số tiền khoảng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là tiền cá nhân của D để hoạt động cho vay tiền lấy lãi và D hoạt động theo hình thức cho vay tiền trả góp hàng ngày cả gốc và lãi trong một thời hạn nhất định (21 đến 25 ngày), khi người vay vay một khoản tiền, D sẽ tính tổng cả tiền gốc và tiền lãi rồi chia đều cho thời hạn vay, người vay sẽ trả góp hàng ngày khoản tiền cả gốc và lãi đó trong thời hạn sao cho khi hết hạn người vay phải trả đủ cả gốc và lãi. Tiền lãi được tính ra với mức lãi suất là 451,9%/năm. Sau khi D cho người vay vay tiền, người vay sẽ bắt đầu trả góp số tiền theo thỏa thuận ngay từ ngày vay tiền (bao gồm cả tiền gốc và lãi) cho đến ngày cuối cùng theo thỏa thuận. Người vay tiền có thể vay tiếp (đáo khoản vay) khi người vay trả hết khoản vay trước hoặc có thể vay nhiều khoản cùng một lúc. Hàng ngày D sẽ đi thu tiền trả góp của người vay và sử dụng xe máy hiệu Exciter 135 màu xanh, biển kiểm soát 81U1- 109.89 (*xe mượn của anh Lê Thế T, sinh năm: 1990, trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G)* để làm phương tiện đi lại và hoạt động cho vay tiền lấy lãi.

Khoảng đầu tháng 3/2023, D thuê Trần Văn H với tiền lương là 5.000.000đ/tháng và hỗ trợ tiền ăn, xăng xe đi lại 100.000đ/ngày. Khi H bắt đầu vào làm thì D đã hướng dẫn cho H tất cả nội dung công việc cho người vay vay tiền, hình thức cho vay tiền, cách thức tính lãi suất, tính tiền trả góp hàng ngày và đi thu tiền trả góp cả gốc và lãi cùng với D, sau đó, D giao cho H điện thoại di động Nokia màu đen, gắn sim số 0373317889 để H trực tiếp liên hệ với người vay cho vay tiền và hẹn người vay để đi thu tiền. D nói H lên mạng xã hội Facebook, lập trang quảng cáo có nội dung "Cho vay tiền trả góp theo ngày - 0373317889" để chạy quảng cáo về việc cho vay tiền. Lúc này, H trực tiếp cho người vay vay tiền, đi thu tiền của những người vay mới và thu tiền trả góp của những người vay cũ trước đó, sau đó về đưa cho D. Còn D là người quản lý hoạt động cho vay, quản lý thu chi quỹ, quyết định việc cho vay, tính lãi suất. Cuối ngày, D kiểm tra tiền thu, chi (cho vay mới) trong ngày và cất tiền vào quỹ. Ngoài ra, sau khi H vào làm thuê cho D thì có hai người vay cũ (Nguyễn Thị L và Đỗ Thị Mai H) do D trực tiếp cho vay sau đó hai người này bỏ đi, nên H không biết. Vì vậy Cơ quan điều tra xác định Trần Văn H cho vay tiền và thu tiền trả góp cùng với Lê Thanh D từ ngày 26/3/2023 đến ngày 23/5/2023. Lê Thanh D và Trần Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 (hai) điện thoại di động bên trong có chứa danh sách những người vay tiền do D và H quản lý. Thanh D và Trần Văn H đã tiến hành in ra và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Cơ quan điều tra đã xác định và làm việc được với 12 người vay, 17 lượt vay tiền cụ thể:

+ Người vay 1: Trần Hoài T vay 02 lần với tổng số tiền vay là 180.000.000 đồng tiền lãi vượt quá 20%/năm là 29.819.179 đồng.

+ Người vay 2: Đặng Thị M vay 02 lần với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng. tiền lãi vượt quá 20%/năm là 31.949.118 đồng.

+ Người vay 3:Nguyễn Thị Diệu T vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.733.212 đồng.

+ Người vay 4: Nguyễn Thành L vay 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 828.314 đồng.

+ Người vay 5: Trần Thị E vay 02 lần tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.313.246 đồng.

+ Người vay 6: Bùi Văn H số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 354.992 đồng.

+ Người vay 7: Nguyễn Thị Thu H vay 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.774.953 đồng.

+ Người vay 8: Nguyễn Thị Kim C số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 946.644 đồng,

+ Người vay 9: Nguyễn Thị Hồng L Vay 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.242.466 đồng,

+ Người vay 10: Nguyễn Thị Q số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.242.466 đồng,

+ Người vay 11: Nguyễn Hà Thị X số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 473.322 đồng,

+ Người vay 12: Nguyễn Văn B số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 59.165 đồng

Lê Thanh D và Trần Văn H đã cho vay tổng số tiền là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi thu được là 80.290.500đ (Tám mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 76.737.075đ (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) – Tức là đã trừ đi mức lãi suất được hưởng là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và quy định tại điều 201 Bộ luật hình sự tương đương với số tiền 3.553.425đ (Ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng.

*** Đối với Ngô Ngọc H:** Hưng bắt đầu vào huyện N, tỉnh Kon Tum và làm công việc cho vay trả góp cả gốc và lãi hàng ngày từ khoảng cuối năm 2022. H

thuê nhà trên đường Lê Hữu Trác tại tổ 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum để hoạt động cho vay tiền trả góp. H sử dụng số điện thoại 0329049909 để tạo tài khoản mạng xã hội Zalo tên "Trần Đại" rồi đăng lên mạng nội dung: vay tiền nhanh – Thủ tục đơn giản – 0329049909. Khi có người vay tiền, người vay sẽ nhắn tin hoặc điện thoại vào số điện thoại trên, H nghe máy và hướng dẫn người vay vay tiền và trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày. Khi liên lạc với người vay, H giới thiệu H tên Đại để nói chuyện với người vay. H gặp trực tiếp người vay ở ngoài đường hoặc ở nhà của người vay, H yêu cầu người vay viết giấy vay tiền và sẽ giữ lại căn cước công dân, chứng minh nhân dân của người vay, hoặc giấy khai sinh bản gốc của con của người vay. Sau đó, hàng ngày H là người đi thu tiền trực tiếp của người vay. Ngô Ngọc H sử dụng số tiền khoảng 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) là tiền cá nhân của H để hoạt động cho vay tiền lấy lãi và H hoạt động theo hình thức cho vay tiền trả góp hàng ngày cả gốc và lãi trong một thời hạn nhất định (21 đến 25 ngày), khi người vay vay một khoản tiền, H sẽ tính tổng cả tiền gốc và tiền lãi rồi chia đều cho thời hạn vay, người vay sẽ trả góp hàng ngày khoản tiền cả gốc và lãi đó trong thời hạn sao cho khi hết hạn người vay phải trả đủ cả gốc và lãi. Tiền lãi được tính ra trung bình với mức lãi suất là từ 365%/năm đến 842,31%/năm. Sau khi H cho người vay vay tiền, người vay sẽ bắt đầu trả góp số tiền theo thỏa thuận ngay từ ngày vay tiền (bao gồm cả tiền gốc và lãi) cho đến ngày cuối cùng theo thỏa thuận. Người vay tiền có thể vay tiếp (đáo khoản vay) khi người vay trả hết khoản vay trước hoặc có thể vay nhiều khoản cùng một lúc. Hàng ngày H sẽ đi thu tiền trả góp của người vay và sử dụng xe máy hiệu Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 82E1-266.53 (*xe mượn của anh Đàm Thanh T, sinh năm: 1986, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum*) để làm phương tiện đi lại và hoạt động cho vay tiền lấy lãi. Ngô Ngọc H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra một điện thoại di động bên trong có chứa danh sách những người vay tiền, H đã in danh sách và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Cơ quan điều tra đã xác định và làm việc được với 15 người vay, 33 lượt vay tiền, cụ thể:

+ Người vay 1: Nguyễn Thị Bích P số tiền vay là 10.000.000 đồng. tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.484.932 đồng,

+ Người vay 2: Ngô Thị Thanh T tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.954.664 đồng,

+ Người vay 3: Y T số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.242.466 đồng,

+ Người vay 4: Võ Anh K tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 28.882.192 đồng,

+ Người vay 5: Trần Quang T tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 6.212.329 đồng,

+ Người vay 6: Nguyễn Duy L tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng,tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.104.110 đồng,

+ Người vay 7: Lê Thị Thanh H tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.206.524 đồng

+ Người vay 8: Nguyễn Hoài P số tiền vay là 10.000.000 đồng,tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.484.932 đồng,

+ Người vay 9: Lâm Hoàng Huyền M số tiền vay là 5.000.000 đồng,tiền lãi vượt quá 20%/năm là 473.320 đồng,

+ Người vay 10: Trương Văn T số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 118.331 đồng,

+ Người vay 11: Nguyễn Thị Kim L số tiền vay là 10.000.000 đồng,tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.701.370 đồng,

+ Người vay 12: Hà Tiến V số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 354.991 đồng,

+ Người vay 13: Trần Hoài T tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.313.242 đồng,

+ Người vay 14: Thái Thị Ngọc T tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.910.274 đồng,

+ Người vay 15: Đào Thị Kim D với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.443.183 đồng,

Ngô Ngọc H đã cho 15 người vay, 33 lượt vay tiền, tổng số tiền cho vay là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền lãi thu được là 71.969.048đ (Bảy mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám đồng), số tiền thu lợi bất chính là 68.886.856đ (sáu mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng) – Tức là đã trừ đi mức lãi suất được hưởng là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và quy định tại điều 201 Bộ luật hình sự tương đương với số tiền 3.082.192đ (Ba triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng). (Có bảng kê chi tiết kèm theo)

Quá trình điều tra bổ sung Cơ quan điều tra xác định được thêm 07 người vay tiền của bị can Hưng là Bùi Thị Bích V , Bùi Ngọc Mai T, Nguyễn Đình H , Nguyễn Thị Bích S,Hồ Thị Thu T, Đoàn Thị Kiên, Bùi Thị Nghĩa. Tổng số tiền bị cáo H thu lợi bất chính từ những người vay tiền trên là trên 8.955.577đ.

Như vậy bị can Ngô Ngọc H đã cho 22 người vay tiền, sau đó thu lợi bất chính số tiền 77.842.433đ (đồng).

Quá trình cho khách vay Ngô Ngọc H có thuê các đối tượng Nguyễn Xuân Q ,sinh năm 2003, Quê quán: xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Phạm Minh T, sinh năm 2001, Quê quán: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và Ngô Đình Q, sinh năm 1993, Quê quán tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ở cùng nhà với bị can H, do bị can H gọi vào để làm cho vay cùng với H. Thời gian ở và làm cùng H có hoạt động cho người khác vay tiền và đi thu tiền. Cụ thể như sau:

Ngô Ngọc H giao cho Phạm Minh T cho người vay và đi thu tiền như sau:

+ Người vay 1: Nguyễn Hoài P với số tiền vay là 10.000.000 đồng,tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.484.932 đồng,

+ Người vay 2: Trương Văn T với số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 118.331 đồng,

+ Người vay 3: Nguyễn Thị Kim L số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.701.370 đồng,

+ Người vay 4: Hà Tiến V số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 354.991 đồng,

+ Người vay 5: Thái Thị Ngọc T tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.910.274 đồng,

Nguyễn Xuân Q cho khách vay và đi thu tiền của khách như sau:

+ Người vay "Bùi Thị Bích V" tổng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.952.446 đồng,

+ Người vay Bùi Ngọc Mai T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.890.411 đồng.

+ Người vay Nguyễn Đình H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tiền lãi vượt quá 20%/năm là 946.640 đồng,

+ Người vay Nguyễn Thị Bích S số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng),tiền lãi vượt quá 20%/năm là 118.330 đồng,

+ Người vay Hồ Thị Thu T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), tiền lãi vượt quá 20%/năm là 354.990 đồng,

+ Người vay Lê Thị Thanh H tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.206.524 đồng,

+ Người vay Đoàn Thị K số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.774.951 đồng,

+ Người vay Bùi Thị N số tiền 15.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi vượt quá 20%/năm là 917.808 đồng,

Tổng số tiền bất chính mà Q làm cùng H và thu được cho H là 14.162.100đ (mười bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng).

Ngô Đình Q cho khách vay và đi thu tiền của khách như sau:

+ Người vay 1: Nguyễn Thị Bích P tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng. tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.484.932 đồng,

+ Người vay 2: Ngô Thị T tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.954.664 đồng,

+ Người vay 3: Y T số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.242.466 đồng,

+ Người vay 4: Lâm Hoàng Huyền M số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 473.320 đồng,

Như vậy, thời gian ở và làm cùng bị can Ngô Ngọc H hoạt động cho người khác vay tiền và đi thu tiền Phạm Minh T đã cùng với bị can Ngô Ngọc H cho 5 khách vay tiền và đi thu tiền, số tiền thu lợi bất chính T cùng với H thu được là 9.342.009đ (chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn không chín đồng); Nguyễn Xuân Q đã cùng với bị can Ngô Ngọc H cho 8 khách vay tiền và đi thu tiền, số tiền thu lợi bất chính Q cùng với H thu được là 14.162.100đ (mười bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng); Ngô Đình Q đã cùng với bị can Ngô Ngọc H cho 4 khách vay tiền và đi thu tiền, số tiền thu lợi bất chính Q cùng với Hưng thu được là 9.536.334 đ (chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tư đồng).

*** Đối với Ngô Văn T:** Tuấn bắt đầu vào huyện N, tỉnh Kon Tum và làm công việc cho vay trả góp cả gốc và lãi hàng ngày từ khoảng tháng 2/2023. Tuấn thuê nhà ở cùng Ngô Ngọc H trên đường Lê Hữu Trác tại tổ 6, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum để hoạt động cho vay tiền trả góp. T sử dụng số điện thoại 0337114961 để tạo tài khoản mạng xã hội Zalo tên "Phát Tài" rồi đăng lên mạng nội dung: vay tiền nhanh – Thủ tục đơn giản – 0337114961. Khi có người vay tiền, người vay sẽ nhắn tin hoặc điện thoại vào số điện thoại trên, T nghe máy và hướng dẫn người vay vay tiền và trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày. Khi

liên lạc với người vay, T giới thiệu Tuấn tên khác tên Tài (Nguyễn Văn Tài) hoặc một số tên khác như: Phát, Hải, Vũ, Quang, Tiến, Quyết … để nói chuyện với người vay. T gặp trực tiếp người vay ở ngoài đường, quán cafe hoặc ở nhà của người vay, T yêu cầu người vay viết giấy vay tiền và sẽ giữ lại các loại giấy tờ tùy thân của người vay như: căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh bản gốc của con của người vay. Sau đó, hàng ngày T là người đi thu tiền trực tiếp của người vay. Ngô V T sử dụng số tiền khoảng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là tiền cá nhân của T để hoạt động cho vay tiền lấy lãi dưới hình thức cho vay tiền trả góp hàng ngày cả gốc và lãi trong một thời hạn nhất định (21 đến 25 ngày), khi người dân có nhu cầu vay một khoản tiền, T sẽ tính tổng cả tiền gốc và tiền lãi rồi chia đều cho thời hạn vay, người vay sẽ trả góp hàng ngày khoản tiền cả gốc và lãi đó trong thời hạn sao cho khi hết hạn người vay phải trả đủ cả gốc và lãi. Tiền lãi được tính ra trung bình với mức lãi suất là từ 365%/năm đến 842,31%/năm. Sau khi T cho người vay vay tiền, người vay sẽ bắt đầu trả góp số tiền theo thỏa thuận ngay từ ngày vay tiền (bao gồm cả tiền gốc và lãi) cho đến ngày cuối cùng theo thỏa thuận. Người vay tiền có thể vay tiếp (đáo khoản vay) khi người vay trả hết khoản vay trước hoặc có thể vay nhiều khoản cùng một lúc. Hàng ngày T sẽ đi thu tiền trả góp của người vay và sử dụng xe máy hiệu 01 xe mô tô BKS 82E1-253.24, nhãn hiệu Wave, màu xanh đen bạc (*đây là xe T mượn của anh Đàm Thanh T, sinh năm: 1986, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, là bác họ của Ngô Văn T*) để làm phương tiện đi lại và hoạt động cho vay tiền lấy lãi. Ngô Văn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra một điện thoại di đông bên trong có chứa danh sách những người vay tiền, T đã in danh sách và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Cơ quan điều tra đã xác định và làm việc được với 18 người vay, 35 lượt vay tiền cụ thể:

+ Người vay 1: Đặng Thị Thu V tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.484.932 đồng,

+ Người vay 2: Lê Thị H số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 709.983 đồng,

+ Người vay 3: Phạm Văn T số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.181.507 đồng,

+ Người vay 4: Dương Thị T tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.454.795 đồng,

+ Người vay 5: Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.774.953 đồng,

+ Người vay 6: Trần Thị Ánh T tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 6.626.484 đồng,

+ Người vay 7: Phạm Thị Diễm H tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.164.778 đồng,

+ Người vay 8: Nguyễn Thị Thu T tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.141.751 đồng,

+ Người vay 9: Lê Thị Triều M tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.324.860 đồng,

+ Người vay 10: Nguyễn Thị Bích S tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.124.140 đồng,

+ Người vay 11: Nguyễn Thị Tri T tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 828.314 đồng,

+ Người vay 12: Phan Thị M số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.242.466 đồng,

+ Người vay 13: Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.165.479 đồng,

+ Người vay 14: Văn Thị Thư T tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.165.479 đồng,

+ Người vay 15: Phạm Thị P số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 803.425 đồng,

+ Người vay 16: Nguyễn Thị H số tiền vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 519.863 đồng

+ Người vay 17: Võ Anh K tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.220.548 đồng,

+ Người vay 18: Trương Nữ Ngọc H số tiền vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 236.661 đồng,

Ngô Văn T đã cho 18 người vay, 35 lượt vay với tổng số tiền cho vay là 286.000.000đ (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng), số tiền lãi thu được là 59.792.883đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn tám trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 57.170.417đ (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) – Tức là đã trừ đi mức lãi suất được hưởng là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và quy định tại điều 201 Bộ luật hình sự tương đương với số tiền 2.622.466đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàng Văn V được T rủ vào huyện Ngọc Hồi vào cuối tháng 4/2023 chơi và thuê V tham gia kinh doanh cho vay trả góp cho T. Thời gian đầu V phụ việc nhà giúp T và được T hướng dẫn cách thứ cho vay, đi thu tiền hằng ngày và quản lý, sử dụng ứng dụng "Trang tính" trên điện thoại của Tuấn để sau này Tuấn sẽ bàn giao công việc để Vũ tiếp tục kinh doanh cho vay trả góp nói trên. T thỏa thuận khi làm chính thức sẽ trả lương cho V 3.000.000 đồng/01 tháng và sẽ tăng theo tùy khả năng đi thu tiền hằng ngày. Bắt đầu giữa tháng 05/2023, T dẫn V đi thu tiền trực tiếp của người vay, tổng được 06 người vay, cụ thể:

+ Người vay 1: Lê Thị H tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng, T dẫn V đi thu góp của Chị H được 01 ngày số tiền 300.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 59.165 đồng.

+ Người vay 2: Trần Thị Ánh T tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, T dẫn V đi thu góp được 2 ngày số tiền 2.400.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 473.320 đồng.

+ Người vay 3: Dương Thị T tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, T dẫn V đi thu góp được 1 ngày số tiền 600.000 đồng/1 ngày, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 118.331 đồng.

+ Người vay 4: Phạm Thị P tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng, T dẫn V đi thu góp được 3 ngày số tiền 750.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 141.781 đồng.

Như vậy, tổng số tiền V tham gia cho vay trả góp cùng Tuấn là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 792.597 đồng.

Lương Ngọc Q được T rủ Q vào huyện Ngọc Hồi vào đầu tháng 05/2023 chơi và thuê Q tham gia kinh doanh cho vay trả góp cho T. Thời gian đầu Tuấn hướng dẫn cách thức cho vay, đi thu tiền hằng ngày và quản lý, sử dụng ứng dụng "Trang tính" trên điện thoại của T. T thỏa thuận khi làm chính thức sẽ trả lương cho Q 5.000.000 đồng/01 tháng và sẽ hỗ trợ thêm tiền khi Q trực tiếp cho khách vay khoản vay mới. Sau thời gian hướng dẫn, khi đã thành thạo công việc thì T sẽ giao lại công việc mà T đang quản lý cho Q để Q tiếp tục thay T kinh doanh hoạt động cho vay trả góp. Bắt đầu từ ngày 16/05/2023, Tuấn dẫn Q đi thu tiền trực tiếp của người vay, trong đó đã thu được 05 khách vay, cụ thể:

+ Người vay 1: Lê Thị Triều M tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng (02 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng), thời hạn 21 ngày, thu góp 300.000đồng/01 ngày/01 gói vay (tổng góp 01 ngày là 600.000 đồng). Tuấn dẫn Q đi thu góp được 1 ngày số tiền 600.000 đồng/1 ngày, tiền lãi vượt quá 20%/ là 118.330 đồng)

+ Người vay 2: Phạm Thị Diễm H tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, T dẫn Q đi thu góp được 5 ngày số tiền 600.000 đồng/1 ngày, số tiền thu góp 5 ngày là 3.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 591.653 đồng.

+ Người vay 3: Nguyễn Thị Thu T tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng,T dẫn Q đi thu góp được 5 ngày số tiền thu góp 5 ngày là 6.500.000 đồng tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) 1.241.031 đồng).

+ Người vay 4: Nguyễn Thị Tri T tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, T dẫn Q đi thu góp được 3 ngày số tiền 1.800.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 354.992 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Q tham gia cho vay trả góp cùng T là 55.000.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm (tiền lãi bất chính) là 2.306.007 đồng.

*** Đối với Hoàng Duy T:** Sử dụng số điện thoại 0898153828 để liên hệ với người vay tiền. Ngày 22/5/2023 đã cho Dương Thị Kiều O (*sinh năm: 1986, trú tại: 94 N, phường N, TP K, tỉnh Kon Tum*) vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời hạn vay 21 ngày, một ngày trả gốc và lãi 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.300.000đ. Sau đó O đã trả góp được 17 ngày với tổng số tiền cả gốc và lãi là 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng), hiện tại vẫn còn nợ số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Lãi suất cho vay là 451,9%/năm, thu lợi bất chính số tiền 1.005.810đ (một triệu không trăm lẻ năm nghìn tám trăm mười đồng).

*** Đối với Hoàng Văn K:** Sử dụng số điện thoại 0706217889 để liên hệ với người vay tiền. Sau đó, đã cho 02 người vay tiền, cụ thể:

- Ngày 20/5/2023, anh Lương Hận Trường S vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời hạn vay 21 ngày, một ngày trả gốc và lãi 300.000 đồng. Sau đó Sinh đã thanh toán đủ cả gốc và lãi là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

- Ngày 23/5/2023, Chu Trọng S vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời hạn vay 21 ngày, một ngày trả gốc và lãi 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.300.000đ. Sau đó Sự đã trả góp được 03 ngày với số tiền 900.000đ (chín trăm ngàn đồng) cả gốc và lãi, hiện còn nợ 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng) cả gốc và lãi.

Khanh đã cho S và S vay tiền với lãi suất là 451,9%/năm, thu lợi bất chính số tiền 1.419.962đ (một triệu bốn trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-P2 ngày 23/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo: Ngô Ngọc H, Lê Thanh D, Trần Văn H, Ngô Văn T cùng về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc H số tiền: 90.000.000đ đến 120.000.000đ.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T số tiền: 60.000.000đ đến 90.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 17, 50, 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh Dũng số tiền: 90.000.000đ đến 120.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H số tiền: 70.000.000đ đến 100.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung đề nghị: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 351639348309345, gắn sim số 0388593669 là điện thoại của Lê Thanh D; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353900104902014 đã qua sử dụng, điện thoại của Lê Thanh D); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 357723113765222, gắn sim số 0373317889 điện thoại của Lê Thanh Dũng đưa Trần Văn Hiếu sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353890101601265 đã qua sử dụng, điện thoại của Trần Văn Hiếu; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu xanh, loại Iphone 12 Pro Max số Imei 350981862409353 là điện thoại của Ngô Ngọc Hưng; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11, số seri: FK1CHDX5N736 là điện thoại của Ngô Văn Tuấn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen 105, có số

seri: 35770510201399, gắn sim thuê bao số 0337114961 là điện thoại của Ngô Văn T.

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các vật chứng sau: 01 (một) giấy khai sinh tên Trần Hoàng Gia Bảo cho chị Hoàng Thị Thúy; 01 (một) giấy khai sinh tên Lữ Hoàng An N cho anh Lữ Văn Trọng); 01 (một) CMND số: 131194782 mang tên Đinh Thị H; 01 (một) CMND số: 233282456 mang tên Trương Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: X 209159 mang tên Nguyễn Thị N; 01 (một) CCCD số: 072187003826 mang tên Phạm Thị P; 01 (một) CCCD số: 062182004036 mang tên Nguyễn Thị Kim L; 01 (một) CCCD số: 062191001454 mang tên Lê Thị H; 01 (một) CCCD số: 062195006320 mang tên Trương Nữ Ngọc H; 01 (một) CCCD số: 052179001879 mang tên Nguyễn Thị N; 01 (một) CCCD số: 062088000585 mang tên Lữ Văn Trọng; 01 (một) CCCD số: 052163015066 mang tên Nguyễn Thị H; 01 (một) CMND số 233155641 mang tên Hoàng Thị T.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) hộp nhựa bên trong có 120 card có nội dung quảng cáo. Nội dung in cụ thể là: "Thủ tục đơn giản – Vay tiền nhanh – Liên hệ: 0968355948"; 01 (một) tập giấy loại 1/2 khổ A4, có nội dung in: "giấy cho vay tiền" chưa viết tên người vay. Tổng số gồm: 40 tờ.

- Lưu theo hồ sơ vụ án những vật chứng bị tạm giữ của các bị cáo tại Biên bản khám xét ngày 23/5/2023.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS, Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TATC đề nghị:

1. Đối với Lê Thanh D phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền nêu trên để nộp ngân sách Nhà nước như sau: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền đã thu từ được từ người vay là 325.409.530 đồng + số tiền lãi theo quy định 3.553.425 đ = 328.962.955đ.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau: Trần Hoài T số tiền: 48.000.000đ; Đặng Thị Mai số tiền 71.428.570đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 952.390đ; Nguyễn Thành L số tiền 1.566.665đ; Trần Thị E số tiền 6.066.670đ; Bùi Văn H số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.257.140đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 1.190.475đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 1.895.235đ; Nguyễn Văn Bắc số tiền 2.661.900đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính buộc bị cáo Lê Thanh D trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Trần Hoài T số tiền: 29.819.179đ; Đặng Thị M số tiền 31.949.118đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 4.733.210đ; Nguyễn Thành L số tiền 828.314đ; Trần Thị E số tiền 3.313.246đ; Bùi Văn H số tiền 354.992đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.774.953đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 946.644đ; Nguyễn Thị Hồng L số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Qu số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 473.322đ; Nguyễn Văn Bắc số tiền 59.165đ.

2. Đối với Ngô Văn T phải nộp lại số tiền đã thu 225.657.176 đồng + số tiền lãi theo quy định 2.622.466 đ = 228.279.642đ.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Lê Thị H số tiền 2.142.855đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.857.140đ; Trần Thị Ánh T số tiền 13.333.334đ; Phạm Thị Diễm H số tiền 7.142.850đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 10.704.760đ; Lê Thị Triều M số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 476.190đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 6.666.660đ; Phạm Thị P số tiền 1.600.000đ; Nguyễn Thị H số tiền 2.800.000đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 9.047.610đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính buộc bị cáo Ngô Văn T trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Đặng Thị Thu V số tiền 2.484.932đ; Lê Thị H số tiền 709.983đ; Phạm Văn T số tiền 1.181.507đ; Dương Thị T số tiền 7.454.795đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.774.953đ; Trần Thị Ánh T số tiền 6.626.484đ; Phạm Thị Diễm H số tiền 8.164.778đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 8.141.751đ; Lê Thị Triều M số tiền 5.324.860đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 1.124.140đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 828.314đ; Phan Thị M số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.165.479đ; Văn Thị Thư T số tiền 1.165.479đ; Phạm Thị P số tiền 803.425đ; Nguyễn Thị H số tiền 519.863đ; Võ Anh K số tiền 8.220.548đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 236.660đ.

3. Đối với Ngô Ngọc H phải nộp lại số tiền đã thu 377.571.427 đồng + số tiền lãi theo quy định 3.430.137 đ = 381.001.564đ.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Ngô Thị Thanh T số tiền 7.619.048đ; Nguyễn Duy L số tiền 8.400.000đ; Lê Thị Thanh H số tiền 9.047.619đ; Lâm Hoàng Huyền số tiền 3.095.238đ; Nguyễn Thị Kim Liên số tiền 2.800.000đ; Hà Tiến V số tiền 3.571.429đ; Trần Hoài T số tiền 6.666.667đ; Thái Thị Ngọc Tr số tiền 3.200.000đ; Bùi Thị Bích V số tiền

2.142.857đ; Nguyễn Đình H số tiền 6.190.476đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 4.523.810đ; Hồ Thị Thu T số tiền 3.571.429đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính buộc bị cáo Ngô Ngọc H trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Nguyễn Thị Bích P số tiền 2.484.932đ; Ngô Thị Thanh T số tiền 2.954.664đ; Y T số tiền 1.242.466đ; Võ Anh Khương số tiền 28.882.192đ; Trần Quang T số tiền 6.212.329đ; Nguyễn Duy L số tiền 5.104.110đ; Lê Thị Thanh H số tiền 5.206.524đ; Nguyễn Hoài P số tiền 2.484.932đ; Lâm Hoàng Huyền M số tiền 473.320đ; Trương Văn T số tiền 118.331đ; Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.701.370đ; Hà Tiến V số tiền 354.991đ; Trần Hoài T số tiền 3.313.242đ; Thái Thị Ngọc T số tiền 2.910.274đ; Đào Thị Kim D số tiền 5.443.180đ; Bùi Thị Bích V số tiền 1.952.446đ; Bùi Ngọc Mai T số tiền 2.890.411đ; Nguyễn Đình H số tiền 946.640đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 118.330đ; Hồ Thị Thu Thúy số tiền 354.990đ; Đoàn Thị K số tiền 1.774.951đ; Bùi Thị N số tiền 917.808đ.

Đối với số tiền các bị cáo Lê Thanh D, Ngô Văn T, Ngô Ngọc H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi mỗi bị cáo 10.000.000đ được khấu trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo phải nộp; Đối với số tiền 5.000.000đ mà Trần Văn H đã nộp được tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Ngô Văn T, Ngô Ngọc H, Lê Thanh D và Trần Văn H: Đều biết hành vi của mình là sai, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an Tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên; VKSND huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên VKSND huyện Ngọc Hồi trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi cấu thành tội phạm*: Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với biên khám xét người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thể hiện tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-P2 ngày 23/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, do đó có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi cá nhân nên mặc dù nhận thức được việc cho vay tiền với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng Ngô Văn T, Ngô Ngọc H, Lê Thanh D và Trần Văn H vẫn thực hiện. Lãi suất người vay phải trả cho các bị cáo từ 365%/năm đến 842,31%/năm, cao gấp 18,25 lần đến 42,11 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2023 đến ngày 23/5/2023 thì:

Lê Thanh D và Trần Văn H đã cho 12 người vay, 17 lượt vay với tổng số tiền là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi thu được là 80.290.500đ (Tám mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 76.737.075đ (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngô Ngọc H đã tự mình và thuê T, Q, Q cho 22 người vay, 41 lượt vay tiền, tổng số tiền cho vay là 430.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 77.842.433đ.

Ngô Văn T đã tự mình và thuê Vũ, Quang cho 18 người vay, 35 lượt vay với tổng số tiền cho vay là 286.000.000đ (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 57.170.417đ (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; có đầy đủ năng lực hành vi; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo tự đặt ra mức lãi suất

từ từ 365%/năm đến 842,31%/năm, cao gấp 18,25 lần đến 42,11 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Xét thấy trong vụ án này các bị cáo Lê Thanh D và Trần Văn H cùng nhau thực hiện một tội phạm nhưng không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, nên chỉ là đồng phạm giản đơn D là người chủ mưu khởi xướng và thuê H giúp việc cho vay, tất cả số tiền cho vay là do D bỏ ra, tất cả số tiền thu lợi bất chính do bị cáo D quản lý, sử dụng do đó bị cáo D phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Hiếu, còn bị cáo H và T tự mình thực hiện hành vi phạm tội không đồng phạm trong vụ án. Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử các bị cáo trong vụ án theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

[5.1] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

Ngoài ra, đối với các bị cáo Lê Thanh D, Ngô Văn T, Ngô Ngọc H đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi mỗi bị cáo 10.000.000đ, tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] *Về áp dụng hình phạt:*

Qua xem xét hành vi phạm tội và số tiền thu lợi từ hoạt động bất chính để áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử thấy: đối với cáo Lê Thanh D và Trần Văn H đã thu thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 76.737.075đ; đối với Ngô Ngọc H số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 77.842.433đ; đối với Ngô Văn T số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 57.170.417đ. Theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự và Điều 3 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự, thì cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội cũng đủ tác dụng giáo

dục các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo sửa chữa lỗi lầm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 351639348309345, gắn sim số 0388593669 là của Lê Thanh Dũng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353900104902014 là điện thoại của Lê Thanh D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 357723113765222, gắn sim số 0373317889 là của Lê Thanh D đưa Trần Văn H sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353890101601265 của Trần Văn Hiếu); 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu xanh, loại Iphone 12 Pro Max số Imei 350981862409353 của Ngô Ngọc H; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11, số seri: FK1CHDX5N736 của Ngô Văn T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen 105, có số seri: 35770510201399, gắn sim thuê bao số 0337114961 của Ngô Văn T, đây đều là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) giấy khai sinh tên Trần Hoàng Gia B, SN: 2013 (Giấy tờ của người vay Hoàng Thị T); 01 (một) giấy khai sinh tên Lữ Hoàng An N, SN: 2019 (Giấy tờ của người vay Lữ Văn T); 01 (một) CMND số: 131194782 mang tên Đinh Thị H; 01 (một) CMND số: 233282456 mang tên Trương Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: X 209159 mang tên Nguyễn Thị N; 01 (một) CCCD số: 072187003826 mang tên Phạm Thị P; 01 (một) CCCD số: 062182004036 mang tên Nguyễn Thị Kim L; 01 (một) CCCD số: 062191001454 mang tên Lê Thị H; 01 (một) CCCD số: 062195006320 mang tên Trương Nữ Ngọc H; 01 (một) CCCD số: 052179001879 mang tên Nguyễn Thị N; 01 (một) CCCD số: 062088000585 mang tên Lữ Văn T; 01 (một) CCCD số: 052163015066 mang tên Nguyễn Thị H; 01 (một) CMND số 233155641 mang tên Hoàng Thị T, những giấy tờ trên không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đối với 01 (một) hộp nhựa bên trong có 120 card có nội dung quảng cáo. Nội dung in cụ thể là: "Thủ tục đơn giản – Vay tiền nhanh – Liên hệ: 0968355948"; 01 (một) tập giấy loại 1/2 khổ A4, có nội dung in: "giấy cho vay tiền" chưa viết tên người vay,tổng số gồm: 40 tờ, những vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với những vật chứng là giấy vay tiền được cơ quan Cảnh sát Điều tra tạm giữ của các bị cáo theo Biên bản khám xét ngày 23/5/2023 thì cần Lưu giữ theo vào hồ sơ vụ án những vật chứng này.

[7] Về biện pháp tư pháp:

1. Đối với Lê Thanh D phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền 328.962.955đ để nộp ngân sách Nhà nước (bao gồm số tiền đã thu từ được từ người vay là 325.409.530 đồng + số tiền lãi theo quy định 3.553.425 đ).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau: Trần Hoài T số tiền: 48.000.000đ; Đặng Thị M số tiền 71.428.570đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 952.390đ; Nguyễn Thành L số tiền 1.566.665đ; Trần Thị E số tiền 6.066.670đ; Bùi Văn H số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.257.140đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 1.190.475đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 1.895.235đ; Nguyễn Văn Bắc số tiền 2.661.900đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính thì bị cáo Lê Thanh D trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Trần Hoài Tr số tiền: 29.819.179đ; Đặng Thị số tiền 31.949.118đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 4.733.210đ; Nguyễn Thành L số tiền 828.314đ; Trần Thị E số tiền 3.313.246đ; Bùi Văn H số tiền 354.992đ; Nguyễn Thị Thu Hằng số tiền 1.774.953đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 946.644đ; Nguyễn Thị Hồng L số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Q số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 473.322đ; Nguyễn Văn B số tiền 59.165đ.

2. Đối với Ngô Văn T phải nộp lại số tiền 228.279.642đ để nộp ngân sách Nhà nước (bao gồm số tiền đã thu từ được từ người vay là 225.657.176 đồng + số tiền lãi theo quy định 2.622.466 đ)

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Lê Thị H số tiền 2.142.855đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.857.140đ; Trần Thị Ánh T số tiền 13.333.334đ; Phạm Thị Diễm H số tiền 7.142.850đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 10.704.760đ; Lê Thị Triều Mến số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 476.190đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 6.666.660đ; Phạm Thị Phận số tiền 1.600.000đ; Nguyễn Thị H số tiền 2.800.000đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 9.047.610đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính thì bị cáo Ngô Văn T trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Đặng Thị Thu V số tiền 2.484.932đ; Lê Thị H số tiền 709.983đ; Phạm Văn T số tiền 1.181.507đ; Dương Thị T số tiền 7.454.795đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.774.953đ; Trần Thị Ánh T số tiền 6.626.484đ; Phạm Thị Diễm H số tiền 8.164.778đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 8.141.751đ; Lê Thị Triều M số tiền 5.324.860đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 1.124.140đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 828.314đ; Phan Thị M số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.165.479đ; Văn Thị Thư Ti số tiền 1.165.479đ; Phạm Thị P số tiền 803.425đ; Nguyễn Thị H số tiền 519.863đ; Võ Anh K số tiền 8.220.548đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 236.660đ.

3. Đối với Ngô Ngọc H phải nộp lại số tiền 381.001.564đ để nộp ngân sách Nhà nước. (bao gồm số tiền đã thu từ được từ người vay là đã thu 377.571.427 đồng + số tiền lãi theo quy định 3.430.137 đ).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Ngô Thị Thanh T số tiền 7.619.048đ; Nguyễn Duy L số tiền 8.400.000đ; Lê Thị Thanh H số tiền 9.047.619đ; Lâm Hoàng Huyền M số tiền 3.095.238đ; Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.800.000đ; Hà Tiến V số tiền 3.571.429đ; Trần Hoài Tr số tiền 6.666.667đ; Thái Thị Ngọc T số tiền 3.200.000đ; Bùi Thị Bích V số tiền 2.142.857đ; Nguyễn Đình H số tiền 6.190.476đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 4.523.810đ; Hồ Thị Thu T số tiền 3.571.429đ.

- Đối với số tiền thu lời bất chính thì bị cáo Ngô Ngọc H trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Nguyễn Thị Bích P số tiền 2.484.932đ; Ngô Thị Thanh T số tiền 2.954.664đ; Y T số tiền 1.242.466đ; Võ Anh K số tiền 28.882.192đ; Trần Quang T số tiền 6.212.329đ; Nguyễn Duy L số tiền 5.104.110đ; Lê Thị Thanh H số tiền 5.206.524đ; Nguyễn Hoài P số tiền 2.484.932đ; Lâm Hoàng Huyền M số tiền 473.320đ; Trương Văn Tr số tiền 118.331đ; Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.701.370đ; Hà Tiến V số tiền 354.991đ; Trần Hoài Tr số tiền 3.313.242đ; Thái Thị Ngọc T số tiền 2.910.274đ; Đào Thị Kim D số tiền 5.443.180đ; Bùi Thị Bích V số tiền 1.952.446đ; Bùi Ngọc Mai Trâm số tiền 2.890.411đ; Nguyễn Đình H số tiền 946.640đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 118.330đ; Hồ Thị Thu T số tiền 354.990đ; Đoàn Thị K số tiền 1.774.951đ; Bùi Thị N số tiền 917.808đ.

[8] *Hành vi có liên quan đến vụ án:*

Bị cáo Hưng và Tuấn thuê Phạm Minh T, Nguyễn Xuân Q, Ngô Đình Q, Lương Ngọc Q, Hoàng Văn V để giúp mình trong hoạt động cho vay tiền và đi thu tiền hàng ngày. Tuy nhiên, mỗi người chỉ làm một số khách vay riêng và chỉ biết

khách vay mà mình làm chứ không biết và đi thu tiền của các khách vay tiền khác mà H và T làm. Số tiền thu lợi bất chính mà Phạm Minh T, Nguyễn Xuân Q, Ngô Đình Q, Lương Ngọc Q, Hoàng Văn V làm được cho bị cáo H và T và Hoàng Văn T, Hoàng Văn K cho vay riêng lẽ chưa đủ đinh mức để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT(CSHS) Công an tỉnh Kon Tum đề xuất đồng chí Giám đốc Công an tỉnh Kon Tum ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Minh T, Nguyễn Xuân Q, Ngô Đình Q, Lương Ngọc Q, Hoàng Văn V Hoàng Văn T, Hoàng Văn K về hành vi "không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỉ lệ lãi suất theo quy định của bộ luật dân sự" quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 12, Nghị Định 144/2021/NĐ-CP là có căn cứ.

[9] Đối với căn nhà Hẻm Đinh Tiên H, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; căn nhà TDP 6, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81U-109.89 của anh Lế Thế T bị cáo D mượn và chiếc xe biển kiểm soát 82E1-266.53 của anh Đàm Thanh T bị cáo H mượn dùng đi lại để thu tiền trả góp. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu cho thuê nhà và cho mượn xe không biết việc các bị cáo đã sử dụng các tài sản trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt; xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Ngọc H, Lê Thanh D, Trần Văn H Ngô Văn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";*

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Ngô Ngọc H số tiền: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Xử phạt Ngô Văn T số tiền: 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50; 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Lê Thanh D số tiền: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50; 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Trần Văn H số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Ngô Ngọc H, Lê Thanh D, Trần Văn H, Ngô Văn T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 351639348309345, gắn sim số 0388593669 là điện thoại của Lê Thanh D; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353900104902014 đã qua sử dụng, điện thoại của Lê Thanh Dũng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei1: 357723113765222, gắn sim số 0373317889 điện thoại của Lê Thanh D đưa Trần Văn Hiếu sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, có số IMEI: 353890101601265 đã qua sử dụng, điện thoại của Trần Văn Hiếu; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu xanh, loại Iphone 12 Pro Max số Imei 350981862409353 là điện thoại của Ngô Ngọc H; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11, số seri: FK1CHDX5N736 là điện thoại của Ngô Văn Tuấn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen 105, có số seri: 35770510201399, gắn sim thuê bao số 0337114961 là điện thoại của Ngô Văn Tuấn.

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các vật chứng sau: 01 (một) giấy khai sinh tên Trần Hoàng Gia B cho chị Hoàng Thị T; 01 (một) giấy khai sinh tên Lữ Hoàng An N cho anh Lữ Văn T; 01 (một) CMND số: 131194782 mang cho chị Đinh Thị H; 01 (một) CMND số: 233282456 cho anh Trương Văn Trinh; 01 (một) giấy phép lái xe số: X 209159 cho chị Nguyễn Thị N; 01 (một) CCCD số: 072187003826 cho chị Phạm Thị P; 01 (một) CCCD số: 062182004036 cho chị Nguyễn Thị Kim L; 01 (một) CCCD số: 062191001454 cho chị Lê Thị H; 01 (một) CCCD số: 062195006320 cho chị Trương Nữ Ngọc H; 01 (một) CCCD số: 052179001879 cho chị Nguyễn Thị Ngà; 01 (một) CCCD số: 062088000585 cho anh Lữ Văn T; 01 (một) CCCD số: 052163015066 cho chị Nguyễn Thị H; 01 (một) CMND số 233155641 cho chị Hoàng Thị T.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) hộp nhựa bên trong có 120 card có nội dung quảng cáo. Nội dung in cụ thể là: "Thủ tục đơn giản – Vay tiền nhanh – Liên hệ: 0968355948"; 01 (một) tập giấy loại 1/2 khổ A4, có nội dung in: "giấy cho vay tiền" chưa viết tên người vay. Tổng số gồm: 40 tờ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2024, giữa Cơ quan CSĐT

Công an tỉnh Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Lưu theo vào hồ sơ vụ án những vật chứng của các bị cáo bị tạm giữ tại Biên bản khám xét ngày 23/5/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS, Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TATC đề nghị:

3.1. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 328.962.955 đồng đối với bị cáo Lê Thanh D.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả của Lê Thanh D để nộp ngân sách Nhà nước như sau: Trần Hoài T số tiền: 48.000.000đ; Đặng Thị M số tiền 71.428.570đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 952.390đ; Nguyễn Thành L số tiền 1.566.665đ; Trần Thị E số tiền 6.066.670đ; Bùi Văn H số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.257.140đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 1.190.475đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 1.895.235đ; Nguyễn Văn B số tiền 2.661.900đ.

- Buộc bị cáo Lê Thanh D trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính cụ thể:

Trần Hoài T số tiền: 29.819.179đ; Đặng Thị M số tiền 31.949.118đ; Nguyễn Thị Diệu T số tiền 4.733.210đ; Nguyễn Thành L số tiền 828.314đ; Trần Thị E số tiền 3.313.246đ; Bùi Văn H số tiền 354.992đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.774.953đ; Nguyễn Thị Kim C số tiền 946.644đ; Nguyễn Thị Hồng L số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Q số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Hà X số tiền 473.322đ; Nguyễn Văn Bắc số tiền 59.165đ.

3.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 228.279.642 đối với bị cáo Ngô Văn T.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả của Ngô Văn T để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Lê Thị số tiền 2.142.855đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.857.140đ; Trần Thị Ánh T số tiền 13.333.334đ; Phạm Thị Diễm H số tiền 7.142.850đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 10.704.760đ; Lê Thị Triều M số tiền 3.571.425đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 476.190đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 6.666.660đ; Phạm Thị P số tiền 1.600.000đ; Nguyễn Thị H số tiền 2.800.000đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 9.047.610đ.

- Buộc bị cáo Ngô Văn T trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính cụ thể:

Đặng Thị Thu V số tiền 2.484.932đ; Lê Thị H số tiền 709.983đ; Phạm Văn T số tiền 1.181.507đ; Dương Thị T số tiền 7.454.795đ; Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.774.953đ; Trần Thị Ánh T số tiền 6.626.484đ; Phạm Thị Diễm Huệ số tiền 8.164.778đ; Nguyễn Thị Thu T số tiền 8.141.751đ; Lê Thị Triều M số tiền 5.324.860đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 1.124.140đ; Nguyễn Thị Tri T số tiền 828.314đ; Phan Thị M số tiền 1.242.466đ; Nguyễn Thị Ngọc Tuyết số tiền 1.165.479đ; Văn Thị Thư T số tiền 1.165.479đ; Phạm Thị P số tiền 803.425đ; Nguyễn Thị H số tiền 519.863đ; Võ Anh K số tiền 8.220.548đ; Trương Nữ Ngọc H số tiền 236.660đ.

3.3. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 381.001.564đ đối với bị cáo Ngô Ngọc H.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả của Ngô Ngọc Hưng để nộp ngân sách Nhà nước như sau:

Ngô Thị Thanh T số tiền 7.619.048đ; Nguyễn Duy L số tiền 8.400.000đ; Lê Thị Thanh H số tiền 9.047.619đ; Lâm Hoàng Huyền M số tiền 3.095.238đ; Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.800.000đ; Hà Tiến V số tiền 3.571.429đ; Trần Hoài T số tiền 6.666.667đ; Thái Thị Ngọc T số tiền 3.200.000đ; Bùi Thị Bích V số tiền 2.142.857đ; Nguyễn Đình H số tiền 6.190.476đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 4.523.810đ; Hồ Thị Thu T số tiền 3.571.429đ.

- Buộc bị cáo Ngô Ngọc H trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính cụ thể:

Nguyễn Thị Bích P số tiền 2.484.932đ; Ngô Thị Thanh T số tiền 2.954.664đ; Y T số tiền 1.242.466đ; Võ Anh K số tiền 28.882.192đ; Trần Quang T số tiền 6.212.329đ; Nguyễn Duy L số tiền 5.104.110đ; Lê Thị Thanh H số tiền 5.206.524đ; Nguyễn Hoài P số tiền 2.484.932đ; Lâm Hoàng Huyền số tiền 473.320đ; Trương Văn T số tiền 118.331đ; Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.701.370đ; Hà Tiến V số tiền 354.991đ; Trần Hoài T số tiền 3.313.242đ; Thái Thị Ngọc T số tiền 2.910.274đ; Đào Thị Kim D số tiền 5.443.180đ; Bùi Thị Bích V số tiền 1.952.446đ; Bùi Ngọc Mai T số tiền 2.890.411đ; Nguyễn Đình H số tiền 946.640đ; Nguyễn Thị Bích S số tiền 118.330đ; Hồ Thị Thu T số tiền 354.990đ; Đoàn Thị K số tiền 1.774.951đ; Bùi Thị N số tiền 917.808đ.

3.4. Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án đối với số tiền các bị cáo Ngô Văn T nộp 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001324, Ngô Ngọc H nộp 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001326 vào ngày 31/7/2024; Lê Thanh D nộp 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001327, ngày 05/8/2024 mỗi bị cáo được khấu trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo phải nộp; Đối với số tiền 5.000.000đ mà Trần Văn H nộp theo biên lai thu tiền số 0001329, ngày 05/8/2024

đã nộp được tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án hình phạt. Các biên lai thu tiền mà các bị cáo nộp đều tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Áp dụng Điều 357 BLDS, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Ngô Ngọc H, Lê Thanh D, Trần Văn H, Ngô Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 17- 9 -2024 các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hành